

Số: 170/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1999.

HKTT: Thôn Đồng Quan, xã DS, thành phố B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Lục Liễu, xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Trịnh Trung K, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đồng Quan, xã DS, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Trịnh Trung K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Gia Bảo, sinh ngày 14/6/2020. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2021 (Dương lịch) cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Chị H và anh K đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị H và anh K đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu cả 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0001092 ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- CCTHADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐS,
- thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Thanh Uyên